

扣分標準：①拼音拼錯扣全分。(每一個字一分)

②拼音對了，四聲寫錯或調號位置寫錯扣一半。

1	chén 沉	zhòng 重	2	mò 默	niàn 念
3	ān 安	jìng 靜	4	dòng 洞	xué 穴
5	xiōng 洶	yǒng 湧	6	bǎo 寶	bèi 貝
7	mín 民	zú 族	8	sù 歲	xiū 修
9	lǚ 屢	cì 次	10	wěi 尾	ba 巴

	rèn	zhēn		yú	wēng
11	認	真	12	漁	翁

	zhàn	lüè		cū	huó
13	戰	略	14	粗	活兒 _儿

	cōng	míng		kǒng	què
15	聰	明	16	孔	雀

	dǎ	tuì	tāng	gǔ
17	打	退	堂	鼓

	jiǔ	niú	èr	hǔ
18	九	牛	二	虎

	fú	guāng	lüè	yǐng
19	浮	光	掠	影

20	<p>hóng 紅</p>	<p>nán 男</p>	<p>lǜ 綠</p>	<p>nǚ 女</p>
----	-------------------	------------------	-----------------	-----------------

21	<p>mǎn 滿</p>	<p>yuán 園</p>	<p>chūn 春</p>	<p>sè 色</p>
----	------------------	-------------------	-------------------	-----------------

22	<p>jù 聚</p>	<p>jīng 精</p>	<p>huì 會</p>	<p>shén 神</p>
----	-----------------	-------------------	------------------	-------------------

23	<p>zhǐ 指</p>	<p>huī 揮</p>	<p>ruò 若</p>	<p>dìng 定</p>
----	------------------	------------------	------------------	-------------------

24	<p>bǎo 飽</p>	<p>shí 食</p>	<p>zhōng 終</p>	<p>rì 日</p>
----	------------------	------------------	--------------------	-----------------

25	<p>dōng 東</p>	<p>dǎo 倒</p>	<p>xī 西</p>	<p>wāi 歪</p>
----	-------------------	------------------	-----------------	------------------

	sān	gū	liù	pó
26	三	姑	六	婆

	rén	shēng	guì	xiāng	zhī
27	人	生	貴	相	知

	hé	bì	jīn	yǔ	qián
	何	必	金	與	錢

	qín	láo	yíng	yǒu	cái	fù
28	勤	勞	盈	有	財	富

	zhī	shì	yùn	hán	chéng	gōng
	知	識	蘊	含	成	功

	niàn	shū	sī	máo	yǔ
29	念	書	思	茅	宇

shān	zhě	ài	zhú	lín
山	者	愛	竹	林
qín	zūn	wéi	dài	chǔ
琴	尊	唯	待	處
fēng	jǐng	zì	zhǎo	xún
風	景	自	找	尋

30	wú	yán	dú	shàng	xī	lóu	,
	無	言	獨	上	西	樓	,
	yuè	rú	gōu	,	jī	mò	wú
	月	如	鉤	,	疾	寞	梧
tóng	shēn	yuàn	suǒ	qīng	qiū	。	
桐	深	院	鎖	清	秋	。	
jiǎn	bú	duàn	,	lǐ	hái	luàn	
剪	不	斷	,	理	還	亂	

	shì	lí	chóu		bié	shì
,	是	離	愁	,	別	是
yí	fān	zī	wèi	zài	xīn	tóu
一	番	滋	味	在	心	頭